

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2019/HS-ST
Ngày: 27/02/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán sơ cấp - Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thúy Hà.
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Nguyễn Hữu Đệ;
2. Bà Hoàng Thị Hòa.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thinh Huyền- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh - thành phố Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 11/2019/TLST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐST-HS ngày 13/02/2019, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lưu Văn T**, Giới tính: Nam; Sinh năm: 1990 tại: huyện M, Hà Nội; Tên khác: Không; Nơi ĐKKHKT: thôn 2, xã M, huyện N, Hà Nội; Chỗ ở: thôn 2, xã M, huyện N, Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Bố đẻ: Lưu Tiến B; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị H; Anh, chị, em ruột: Gia đình bị can có 03 anh, chị, em; bị can là con thứ 3; Vợ, con: Không;

Tiền án tiền sự:

- Ngày 04/11/2010, Công an phường L, quận Đ, Hà Nội Quyết định xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản.
- Ngày 25/02/2011, TAND quận B, Hà Nội xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (tài sản trộm cắp trị giá 500.000đ nên hiện nay không coi là có án tích);
- Ngày 20/01/2015, TAND thành phố V, Nghệ An xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; 09 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Tổng hợp hình phạt là 21 tháng tù (đã xóa án tích)
- Ngày 20/11/2018, Công an quận T Quyết định xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản.

Bị can Lưu Văn T bị tạm giữ từ ngày 24/11/2018 đến ngày 27/11/2018; Tạm giam từ ngày 27/11/2018 đến nay tại Trại tạm giam số 01 – Công an thành phố Hà Nội (số giam: 740T1).

2. Họ và tên: **Đặng Đức A**; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1992; tại: Hà Nam; Tên khác: Không; Nơi ĐKHKTT: Xóm 6, thị trấn B, huyện K, Hà Nam; Chỗ ở: Xóm 6, thị trấn B, huyện K, Hà Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Bô đẻ: Đặng Đình Đ; Mẹ đẻ: Lê Thị H; Anh, chị, em ruột: Gia đình bị can có 03 anh, chị, em; bị cáo là con thứ 3; Vợ, con: Không

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo Đặng Đức A đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Người bị hại: Công ty TNHH một thành viên B; Địa chỉ: Số 01 đường X, phường Y, quận B, Hà Nội

Người đại diện hợp pháp: Ông Triệu Văn C, sinh năm 1980-Địa chỉ: P418.E4, Ecohome , phường Đ, quận T, Hà Nội - Đại diện theo ủy quyền. Ông C có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Các bị cáo Lưu Văn T, Nguyễn Văn B và Đặng Đức A đều là những đối tượng ham chơi, lười lao động, không có việc làm ổn định. Để có tiền tiêu xài, T rủ B và A đi trộm cắp tài sản. Nguyễn Văn T chuẩn bị xe máy BKS: 88G1 – 033.21, 01 kìm điện và 01 cờ lê làm công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 7 đến đầu tháng 8/2018, bị can T cùng các bị cáo B và A đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản (dây cáp điện) trên tuyến đường Hoàng Sa thuộc địa phận xã V, huyện C, Hà Nội, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Khoảng 23h30' ngày 22/7/2018, các bị cáo Lưu Văn T và Nguyễn Văn B ngồi chơi game tại quán Internet “Pro” địa chỉ: Phố X, phường Y, quận T, Hà Nội. B hỏi T “Tối nay có chỗ nào làm ăn không?” (ý hỏi đi trộm cắp tài sản) thì T trả lời “Không biết, cứ đi xem chỗ nào có thì lấy”. Sau đó, T điều khiển xe máy Honda Wave α, màu đen, BKS: 88G1 – 033.21 chở B đến địa bàn huyện C tìm sơ hở trộm cắp tài sản.

Đến khoảng 03h00' ngày 23/7/2018, T và B đi đến đoạn đường HS thuộc địa phận xã V, huyện C, Hà Nội thì phát hiện thấy đèn trên các cột thuộc dải phân cách giữa không sáng (không có điện) nên rủ nhau cắt trộm dây cáp điện nối giữa các cột đèn bán dây tiền tiêu xài. Bị cáo T dựng xe máy tại bên xe buýt ở ven đường còn B đi đến cột đèn T1/97 trên dải phân cách giữa đường để kiểm tra rồi quay lại bảo T “Phải có cờ lê mới tháo được”. Thấy B nói vậy, T mở cốp xe máy lấy cờ lê đưa cho B rồi cả hai đến chân cột đèn T1/97. Tại đây, B dùng cờ lê tháo ốc vít để mở nắp chân cột đèn,

còn T dùng tay bẻ gãy đầu nối của dây cáp điện bên trong, rồi cả hai tiếp tục đến chân cột đèn T1/98, T dùng cờ lê tháo ốc vít mở nắp chân cột đèn và bẻ đầu nối dây cáp điện bên trong còn B rút dây cáp điện đoạn nối giữa cột T1/97 và cột T1/98 và cuộn lại thành 01 cuộn dài 38m, đặt dưới chân cột T1/98. Sau đó, T lại tiếp tục dùng cờ lê tháo ốc vít mở nắp chân cột đèn T1/99, rồi dùng tay bẻ gãy đầu dây cáp bên trong còn B rút dây cáp điện đoạn nối giữa cột T1/98 và cột T1/99, cuộn lại thành cuộn thứ hai dài 36,5m, đặt dưới chân cột đèn T1/99.

Sau khi trộm cắp được tài sản, B và T mỗi người vác một cuộn dây cáp điện ra vị trí để xe máy, T điều khiển xe máy chở B ngồi sau ôm 02 cuộn dây cáp điện trộm cắp được đến cửa hàng mua bán phế liệu của chị Khổng Thị H (sinh năm 1989; HKTT: Thôn P, xã Q, huyện Y, Vĩnh Phúc) địa chỉ: Đường H, Phường Y, quận T, Hà Nội. Tại đây, T và B bán cho chị H số dây cáp điện vừa trộm cắp được với giá 1.950.000đ. T cầm tiền rồi chia cho B 950.000đ, giữ lại 950.000đ còn 50.000đ mua xăng xe máy. Số tiền có được do bán dây cáp điện trộm cắp mà có, T và B tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai:

Khoảng 19h00' ngày 01/8/2018, Lưu Văn T gọi điện thoại rủ Đặng Đức A đi cắt trộm dây cáp điện, A đồng ý. Đến khoảng 22h30' cùng ngày, T chuẩn bị 01 cờ lê và 01 kim điện cầu giấu trong cốp xe máy máy BKS: 88G1 – 033.21 rồi đến đón A tại quán Internet địa chỉ: Số 01, Phố X, phường Y, quận T, Hà Nội, chở đến đường HS, thuộc địa phận xã V, huyện C Hà Nội để cắt trộm dây cáp điện. Do quan sát thấy lúc này có nhiều người đi lại trên đường nên T và A đi xe máy lên cầu NT đợi đêm khuya vắng người sẽ quay lại thực hiện hành vi phạm tội.

Khoảng 03h00' ngày 02/8/2018, T quay lại đường HS rồi đến chân cầu vượt V cắt giấu chiếc xe máy. T lấy chiếc cờ lê trong cốp xe ra và bảo A đứng canh giới rồi đi đến cột đèn T2/93 dùng cờ lê tháo ốc vít, mở nắp chân cột và dùng tay bẻ gãy đầu nối của dây cáp điện bên trong. Sau đó tiếp tục đi đến cột đèn T2/94 dùng cờ lê tháo ốc vít, mở nắp chân cột đèn và bẻ gãy đầu nối của dây cáp bên trong và rút đoạn dây cáp điện đoạn nối giữa cột T2/93 và cột T2/94 cuộn thành 01 cuộn dài 33m đặt dưới chân cột đèn T2/94.

Bị cáo A đi đến khu vực T đang cắt trộm dây cáp điện hỏi “Trong cột đèn còn dây không, rút được không ?” thì T nói “Vẫn còn dây, rút được đấy” rồi đưa cho A chiếc cờ lê. Sau đó, A đi đến cột đèn T2/95 dùng cờ lê tháo ốc vít, mở nắp chân cột để cắt dây cáp còn T thì đi ra bên xe buýt cách đó khoảng 30m để canh giới. Bị cáo A mở nắp chân cột đèn T2/95 nhưng không bẻ được đầu nối dây cáp bên trong nên đi đến chỗ T lấy kim điện rồi quay lại cột đèn T2/95 cắt đầu nối dây cáp điện bên trong, rút dây cáp điện đoạn nối từ cột T2/94 đến cột T2/95 và cuộn thành cuộn thứ hai dài 32m đặt dưới chân cột T2/95. Bị cáo A tiếp tục đi đến cột đèn T2/96, dùng cờ lê tháo ốc vít, mở nắp chân cột và dùng kim cắt đầu nối dây cáp điện bên trong rồi rút dây cáp điện đoạn nối từ cột T2/95 đến T2/96, khi A kéo được một đoạn thì T đi đến cùng kéo với A và cuộn thành cuộn thứ ba dài 31m. Sau đó T đi lấy xe máy còn A lần lượt

vác các cuộn dây cáp điện sang vỉa hè đối diện chờ T. Khi A đang vac cuộn dây cáp thứ ba thì bị lực lượng Công an xã V phát hiện bắt giữ. T phóng xe máy chạy thoát.

Ngày 02/8/2018, anh Triệu Văn C (sinh năm: 1980; trú tại: P418, E4, Ecohome, phường Đ, quận T, Hà Nội; là đại diện của Công ty TNHH MTV B, địa chỉ: số 1, phố X, phường Y, quận B, Hà Nội) đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C trình báo sự việc bị trộm cắp dây cáp điện trên tuyến đường TS và HS địa phận huyện C, Hà Nội. Tổng số dây cáp điện chiếu sáng bị trộm cắp là 614m.

Cơ quan điều tra tạm giữ vật chứng:

- Cửa Đặng Đức A: 03 cuộn dây cáp điện, kích thước (4x10) mm: cuộn thứ nhất dài 32m, cuộn thứ hai dài 33m, cuộn thứ ba dài 31 m. Tổng chiều dài 03 cuộn là 96 m; 01 (một) điện thoại Viettel, vỏ màu xanh – đen, sim số thuê bao: 01676217422.

- Cửa Lưu Văn T: 01 xe máy Honda Wave α , màu đen, BKS: 88G1 – 033.21, SK: 2902468, SM: 102451; 01 điện thoại Samsung, sim số thuê bao 01673965257 và 01693845740.

- Cửa Nguyễn Văn B: 01 điện thoại Nokia 5310, sim số thuê bao 0963401843.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, các bị cáo Lưu Văn T, Nguyễn Văn B và Đặng Đức A khai nhận hành vi trộm cắp dây cáp điện trên tuyến đường Hoàng Sa thuộc địa phận xã V, huyện C, Hà Nội vào ngày 23/7/2018 và ngày 02/8/2018 với tổng chiều dài là 170,5m (ngày 23/7/2018 trộm cắp 74,5m; ngày 02/8/2018 trộm cắp 96m) phù hợp với tài liệu điều tra thu thập được.

Đối với số dây cáp điện còn lại (443,5m) bị cắt trộm theo đơn trình báo của Công ty TNHH MTV B, Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa làm rõ được đối tượng thực hiện hành vi trộm cắp nên tách rút tài liệu điều tra, xử lý sau.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 369 ngày 14/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận 03 cuộn dây cáp điện (dài 96m) của Công ty TNHH MTV B bị T và A chiếm đoạt ngày 02/8/2018 trị giá **10.185.504đ** (Mười triệu một trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm linh bốn đồng).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 384 ngày 20/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận 02 cuộn dây cáp điện (dài 74,5m) của Công ty TNHH MTV B bị T và B chiếm đoạt ngày 23/7/2018 trị giá **7.904.375 đ** (Bảy triệu chín trăm linh bốn nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng).

Quá trình điều tra, bị cáo Đặng Đức A có biểu hiện mắc bệnh tâm thần. Ngày 11/9/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Quyết định trưng cầu Viện pháp y tâm thần Trung ương giám định tâm thần đối với bị cáo A. Do chưa có kết luận giám định tâm thần đối với bị cáo A nên ngày 16/10/2018 Cơ quan điều tra Quyết định tách vụ án hình sự, tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự, tạm đình chỉ điều tra đối với A.

Đối với Lưu Văn T, quá trình điều tra T bỏ trốn khỏi nơi cư trú nên ngày 16/10/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C ra Quyết định truy nã, Quyết định tách vụ án hình sự, tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự, tạm đình chỉ điều tra đối với bị cáo T, khi nào bắt được sẽ tiếp tục xử lý theo quy định.

Đối Nguyễn Văn B (đồng phạm), quá trình điều tra ngày 22/8/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện C đã Quyết định khởi tố bị can số 44, Kết luận điều tra vụ án số 186 ngày 16/10/2018. Ngày 20/11/2018, TAND huyện C mở phiên tòa xét xử bị cáo Nguyễn Văn B quyết định xử phạt B 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1, Điều 173 BLHS và buộc Nguyễn Văn B phải bồi thường 15.935.000 đồng cho Công ty TNHH MTV chiếu sáng và thiết bị đô thị.

Ngày 24/11/2018, bị cáo Lưu Văn T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C đầu thú.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 370/KLGD ngày 06/11/2018 của Viện pháp y tâm thần Trung ương, kết luận đối với bị cáo Đặng Đức A: *“Trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định bị cáo Đặng Đức A bị bệnh chậm phát triển tâm thần nhẹ. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F70. Bị can hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi”*.

Đối với chị Không Thị H – người mua dây cáp điện của T và B, quá trình điều tra xác định khi mua số dây cáp điện của T và B, chị H không biết là do T và B trộm cắp mà có. Sau đó, chị Hồng đã bán toàn bộ số dây cáp điện này cho một người phụ nữ, không rõ nhân thân lai lịch, không nhớ số tiền thu được nên Cơ quan cảnh sát điều tra không đề cập xử lý đối với chị H cũng như không thu giữ được vật chứng và không có căn cứ để làm rõ nhân thân người phụ nữ mua dây cáp điện của chị H.

Đối với chiếc cờ lê và chiếc kìm điện mà các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, quá trình điều tra bị cáo A khai đã vứt lại tại khu vực cách hiện trường khoảng 100m. Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không thu giữ được.

Đối với chiếc xe máy Honda Wave α, màu đen, BKS: 88G1 – 033.21, SK: 2902468, SM: 102451 tạm giữ của bị cáo T. Kết quả điều tra xác định: Chiếc xe máy trên không có trong dữ liệu xe vật chứng và là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1964; HKTT: Thôn 2, xã M, huyện N, Hà Nội; mẹ bị cáo T). Việc T sử dụng chiếc xe trên để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, bà Nguyễn Thị H không biết nên ngày 15/10/2018, Cơ quan điều tra Quyết định xử lý vật chứng trao trả chiếc xe máy trên cho bà Nguyễn Thị H. Sau khi nhận lại tài sản, bà Nguyễn Thị H không có yêu cầu, đề nghị gì.

Đối với 03 (ba) cuộn dây cáp điện, kích thước (4x10) mm, tổng chiều dài 96m thu giữ của Đặng Đức A, kết quả điều tra xác định là tài sản của Công ty TNHH MTV B, ngày 09/8/2018 Cơ quan điều tra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả cho anh Triệu Văn C - đại diện Công ty TNHH MTV B.

Về dân sự: Sau khi nhận lại số tài sản trên, anh C đề nghị các bị cáo phải bồi thường 19.435.000đ, trong đó: Số tiền 3.5000.000đ (gồm tiền vật tư, thiết bị đi kèm và nhân công để khôi phục lại nguyên trạng) trong vụ trộm cắp dây cáp điện ngày 02/8/2018; Số tiền 15.935.000đ (gồm tiền dây cáp bị trộm cắp, các vật tư, thiết bị đi kèm và nhân công để khôi phục lại nguyên trạng) trong vụ trộm cắp dây cáp điện ngày 23/7/2018.

Đối với chiếc điện thoại di động, kèm sim thuê bao thu giữ của Đặng Đức A là vật chứng của vụ án nên tiếp tục chuyển Tòa án nhân dân huyện Đông Anh giải quyết theo thẩm quyền.

Bản Cáo trạng số 13/CT-VKSĐA ngày 28/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận huyện C quyết định truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa,

Các bị cáo khai nhận tội như nội dung cáo trạng đã nêu. Các bị cáo thừa nhận: vào hồi 03 giờ 00 ngày 02/8/2018, tại địa phận đường HHS thuộc xã V , huyện C, thành phố Hà Nội, bị cáo Lưu Văn T và Đặng Đức A đã có hành vi trộm cắp tài sản là dây cáp điện của Công ty TNHH một thành viên B. Các bị cáo đã biết tội, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt. Riêng đối với bị cáo A đã tác động nhờ mẹ để bồi thường khắc phục hậu quả cho Người đại diện hợp pháp của người bị hại. Tuy nhiên, Người đại diện hợp pháp cho người bị hại tự nguyện không yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 3.500.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung, tính chất vụ án, xem xét các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đối với bị cáo, giữ nguyên toàn bộ nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị HĐXX :

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s K1 Điều 51, điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt Lưu Văn T từ 12 đến 15 tháng tù.

- Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm điểm q, s K1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt Đặng Đức A từ 06-09 tháng tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 12-18 tháng.

- Hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo là đối tượng không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về dân sự: Tại phiên tòa, người đại diện của người bị hại tự nguyện không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền trên. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của người đại diện bị hại. Các bị cáo không phải bồi thường số tiền 3.500.000 đồng.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu xung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại Viettel, vỏ màu xanh – đen của Đặng Đức A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng của huyện C thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về thẩm quyền và các quy định khác về điều tra, truy tố và xét xử.

Đối với Nguyễn Văn B cơ quan điều tra tách rút tài liệu để điều tra, xác minh làm rõ và xét xử bị cáo B trước. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 175/2018/HSST ngày

20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên phạt Nguyễn Văn B 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Bản án cũng tuyên về phần dân sự và xử lý vật chứng. Việc tách rút tài liệu và xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi và tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo và các tài liệu, chứng cứ khác tại cơ quan điều tra. Được chứng minh bằng tang vật vụ án thu được tại hiện trường vụ, phù hợp với lời khai của người bị hại cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ có đủ căn cứ khẳng định các bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được luật hình bảo vệ, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội. Các bị cáo nhận thức được điều này, song do hám lợi nên vẫn cố tình phạm tội. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo. Đây là vụ đồng phạm giản đơn, tuy nhiên cũng cần cân nhắc vai trò của từng bị cáo.

Đối với bị cáo T là người chủ mưu, khởi xướng việc phạm tội, bị cáo chủ động gọi điện thoại cho bị cáo A rủ đi trộm cắp tài sản, là người chuẩn bị công cụ phương tiện phạm tội, tích cực thực hiện tội phạm, bị cáo T hai lần thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian dài mới có tác dụng răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa chung, cũng đồng thời tạo một khoảng thời gian để bị cáo được cải tạo trở thành người có ích cho xã hội trong môi trường pháp luật.

Đối với bị cáo A, có vai trò thứ yếu, bị cáo bị lôi kéo nên mới có hành vi. Bị cáo hiện bị tâm thần chậm phát triển nhưng vẫn có khả năng nhận thức, vì vậy, bị cáo A vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình gây ra. Bị cáo có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo đối với bị cáo A giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự với mức án như vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

[3] Về nhân thân và tiền án, tiền sự của bị cáo:

- Về tiền án, tiền sự của bị cáo T: Bị cáo không có tiền án,

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, cụ thể: Bị cáo đã hai lần bị xét xử về tội Trộm cắp tài sản, một lần bị xét xử về tội Cố ý gây thương tích, một lần bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Như vậy, bị cáo đã được giáo dục bằng pháp luật nhiều lần nhưng không lấy đó làm bài học mà vẫn vi phạm.

- Về tiền án tiền sự của bị cáo A: Không có tiền án, tiền sự.

[5] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Khi lượng hình, Tòa án đã xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo để từ đó có hình phạt tương xứng với mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo, cụ thể:

- Tình tiết tăng nặng đối với bị cáo T: Đối với Lưu Văn T, bị cáo đã hai lần tham gia trộm cắp dây cáp trên đường HS nên áp dụng tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo A không có tình tiết tăng nặng.

- Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về tội lỗi của mình. Đây là tình tiết để giảm nhẹ cần áp dụng Điều 51 khoản 1 điểm s Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo; Đối với bị cáo A là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, bị cáo có tác động đến mẹ đẻ trong việc tự nguyện bồi thường cho người bị hại nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm q, khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 (Người phạm tội);

[6] Về dân sự:

Trong giai đoạn điều tra, tuy tố, người đại diện của người bị hại yêu cầu bồi thường của số tiền 3.5000.000đ (gồm tiền vật tư, thiết bị đi kèm và nhân công để khôi phục lại nguyên trạng). Tuy nhiên, tại phiên tòa, người đại diện của người bị hại tự nguyện không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền trên. Vì vậy, hội đồng ghi nhận sự tự nguyện của người đại diện cho Người bị hại. Các bị cáo không phải bồi thường số tiền 3.500.000 đồng.

[7] Về biện pháp tư pháp: Cần áp dụng Điều 47 - Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu xung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại Viettel, vỏ màu xanh – đen thu giữ của Đặng Đức A, chi tiết vật chứng như tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/10/2018 của cơ quan cảnh sát điều tra với Chi cục thi hành án dân sự.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp nên không phạt tiền bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

+ Áp dụng Khoản 1 Điều 173, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Bộ Luật Hình sự năm 2015; điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lưu Văn T.

+ Áp dụng Khoản 1 Điều 173, Điểm q, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ Luật Hình sự năm 2015 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đặng Đức A.

+ Điều 106, 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Lưu Văn T và Đặng Đức A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Lưu Văn T 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/11/2018.

Xử phạt: Đặng Đức A 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 12 tháng kể từ ngày Tòa tuyên án (Là ngày 27/02/2019).

Giao bị cáo Trường cho Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của Người đại diện hợp pháp cho Người bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 3.500.000 đồng (Chi phí khôi phục nguyên trạng tài sản do hành vi phạm tội của các cáo gây ra). Các bị cáo không phải bồi thường dân sự cho người bị hại.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại Viettel, vỏ màu xanh – đen thu giữ của Đặng Đức A, chỉ tiết vật chứng như tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/10/2018 của cơ quan cảnh sát điều tra với Chi cục thi hành án dân sự.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- UBND M, N, TP Hà Nội,
- UBND B, K, Hà Nam
- VKSND huyện Đông Anh;
- Công an huyện Đông Anh;
- Chi cục THADS huyện Đông Anh;
- Sở TP Thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

Triệu Thúy Hà